

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

-----oo0oo-----

1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 (đã được kiểm toán) và phương hướng Kế hoạch SXKD năm 2019.
2. Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 và Báo cáo kết quả kiểm toán.
3. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.
4. Tờ trình Bổ sung chức năng ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
5. Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
6. Dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần In số 4 theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4



CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

-----oo0oo-----

- 8h00 :** Thủ tục tham dự đại hội
- Phát tài liệu
 - Thông kê danh sách cổ đông tham dự
- 8h30 :** Thủ tục khai mạc đại hội
- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
 - Kiểm tra tư cách cổ đông dự đại hội.
 - Đề cử và thông qua danh sách chủ tọa đoàn và thư ký đoàn
- 9h00:** Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 (đã được kiểm toán) và phương hướng Kế hoạch SXKD năm 2019.
- 9h30:** Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 và Báo cáo kết quả kiểm toán.
- 9h45:** Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.
- 10h00:** Tờ trình Bổ sung chức năng ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- 10h15:** Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- 10h30:** Phát biểu của các cổ đông.
- 10h45:** Thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo đã trình đại hội.
- 11g00:** Báo cáo và biểu quyết thông qua Dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần In số 4 theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng
- 11h15:** Phát biểu của lãnh đạo Tổng công ty Văn Hóa Sài Gòn.
- 11h30:** Hội đồng quản trị tiếp thu ý kiến.
- 11h45:** Tổng kết đại hội.
- Chủ tọa đoàn thông qua Nghị quyết đại hội.
 - Thư ký đoàn đọc Biên bản đại hội.
 - Chào cờ, bế mạc – Cảm ơn các đại biểu tham dự.

BAN TỔ CHỨC

TP.Hồ chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Trên cơ sở những thuận lợi và thành quả của năm 2017 để lại, trong năm 2018, nền kinh tế Việt Nam đã tiếp tục phát triển và đạt được một kết quả hết sức tốt đẹp thể hiện ở các điểm sau:

+ Nền kinh tế vĩ mô vẫn duy trì được tính ổn định và phát triển thông qua việc điều hành một cách linh hoạt và sáng tạo của Chính phủ.

+ Hoàn thành tốt các chỉ tiêu do Quốc hội đã giao trong năm:

- GDP có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 10 năm vừa qua đạt mức 7,08%, thu nhập bình quân đầu người đạt 2.540 USD tương ứng trên 58 triệu đồng/người, tăng gần 10% so với cùng kỳ năm trước.

- Chỉ số giá tiêu dùng – CPI – nằm trong tầm kiểm soát và điều hành của Chính phủ, cụ thể mức tăng đạt 3,54%, thấp hơn mức mà Quốc hội đã giao là 4%.

- Năm 2018, tiếp tục là một năm xuất siêu kỷ lục, đạt mức 7,21 tỷ USD.

+ Khẳng định xu thế tích cực của nền kinh tế Việt Nam qua số liệu:

- Số lượng Doanh nghiệp thành lập mới là 131.275 tăng 3,5% so với năm trước.

- Số lượng Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 34.010 tăng 28,6% so với năm trước.

Từ bối cảnh tươi sáng của nền kinh tế Việt Nam, Công ty Cổ phần In số 4 cũng có những thuận lợi và khó khăn riêng, trong đó nhìn chung thuận lợi là cơ bản.

1. Thuận lợi:

- Nguồn việc và đơn giá công in cho mặt hàng chủ lực vẫn được các khách hàng truyền thống lâu năm ủng hộ, vấn đề này được chứng minh qua các bản Hợp đồng gia

công in cho cả năm mà hai bên đã ký kết vào thời điểm cuối năm – Tháng 12 năm 2017.

- Bên cạnh việc không phải vay vốn từ các ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng, Doanh nghiệp đã sử dụng một cách linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn nhân rỗi của chủ sở hữu, kết quả thu được là doanh thu tài chính cả năm đạt trên 6 tỷ đồng - mức cao nhất trong các năm vừa qua. Ngoài ra, cũng từ nguồn vốn tự có mà Doanh nghiệp đã nhận chuyển nhượng một mặt bằng trong Khu công nghiệp Vĩnh Lộc có diện tích 5.000m², trong đó nhà xưởng là trên 3.000m² và quyền sử dụng đất đến 2047 từ Công ty TNHH TM - SX Trường Thịnh qua đấu thầu bằng hình thức chào giá cạnh tranh.

- Công tác di dời và tập trung toàn bộ các Phân xưởng sản xuất vào mặt bằng trong KCN Vĩnh Lộc đã thực hiện tốt đẹp, đặc biệt hiệu quả lớn nhất là quá trình sản xuất của Doanh nghiệp vẫn duy trì và hoạt động bình thường, thời gian giao hàng đã ký kết với các khách hàng truyền thống luôn được thực hiện đạt 100%, giúp Doanh nghiệp nâng cao uy tín lẫn sự tin nhiệm với các đối tác. Việc di dời thành công các Phân xưởng sản xuất về một môi còn giúp Doanh nghiệp tiết kiệm được nhiều chi phí sản xuất cũng như rút ngắn được chu kỳ sản xuất.

- Nguồn vật tư nguyên liệu dồi dào và phong phú góp phần giúp chúng ta có nhiều lựa chọn trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm in với một giá thành hạ.

2. Khó khăn:

- Việc di dời toàn bộ các Phân xưởng sản xuất vào mặt bằng trong KCN Vĩnh Lộc, bên cạnh những thuận lợi đã trình bày ở trên, cũng vẫn phát sinh một số khó khăn đối với người lao động, trong đó đặc biệt là cự ly quãng đường từ nhà đến nơi làm việc hầu hết đều tăng lên rất nhiều, mặc dù chưa đến mức phải bỏ nhiệm sở chuyển sang đơn vị khác. Để khắc phục và chia sẻ trở ngại này, Doanh nghiệp đã hỗ trợ chi phí đi lại ở mức 20.000đ/người/ngày lao động thực tế trong kỳ.

- Hiện nay các mặt bằng sau khi di dời, Doanh nghiệp vẫn chưa có kế hoạch sử dụng sao cho phù hợp với các quy định hiện hành về nhà đất, đồng thời đạt hiệu quả cao so với chi phí thuê đất mà Doanh nghiệp đang nộp cho Nhà nước theo hình thức trả tiền hàng năm. Trong tương lai, chúng tôi sẽ tiến hành xin ý kiến của các cổ đông, nhất là các cổ đông lớn như Tổng Công Ty Văn Hóa Sài Gòn về phương cách cũng

như giá trị của các hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với các mặt bằng này nhằm tránh lãng phí và nâng cao thu nhập của Doanh nghiệp; Ngoài ra, chúng tôi cũng không loại trừ khả năng nếu các mặt bằng này không phù hợp quy định khi tiến hành hợp tác sẽ được Doanh nghiệp trả lại cho Nhà nước như các mặt bằng đã trả trước đây: Khu Bình Quới, nhà trên đường Nguyễn Thi, quận 5 hoặc nhà trên đường Lý Thái Tổ, quận 3...

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, Công ty Cổ phần In số 4 đã thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với những kết quả như sau:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Bảng số liệu: Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018)

Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện 2018	So sánh	
					TH2018 /TH2017	TH2018 /KH2018
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4
1. Giá trị Tổng sản lượng (Theo GCD 1994)	Tr.đồng	29.498	27.000	30.500	103%	113%
2. Sản phẩm (13 x 19)	Tr.trang	5.090	4.600	5.299	104%	115%
3. Doanh thu bán hàng & cung cấp Dịch vụ	Tr.đồng	48.883	45.000	55.065	113%	122%
4. Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	10.292	8.450	14.996	146%	177%
5. Thuế TNDN phải nộp	Tr.đồng	2.058	1.690	2.999	146%	177%
6. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	8.234	6.760	11.997	146%	177%
7. Các khoản phải nộp ngân sách	Tr.đồng	5.376	5.400	7.459	139%	138%
8. Tổng số lao động bình quân	Người	145	140	138	95%	99%
9. Phân phối lợi nhuận	Tr.đồng					
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr.đồng	1.000	1.000	2.000	200%	200%
- Cổ tức cho các cổ đông	Tr.đồng					
+ Tỷ lệ %	%	50	30	50	100%	167%
+ Số tiền	Tr.đồng	2.058	3.600	6.000	100%	167%
- Số chuyển năm sau	Tr.đồng	1.234	2.160	3.997	324%	185%

Công ty đã hoàn thành vượt mức các nội dung chủ yếu của Bảng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 mà Đại hội đồng Cổ đông thường niên giao. Đạt được kết quả này, ngoài sự đoàn kết, tinh thần nỗ lực và tích cực của toàn thể người lao động còn là do Doanh nghiệp biết tận dụng và phát huy các thuận lợi cũng như giảm thiểu các tồn tại và khó khăn trong quá trình sản xuất.

Đặc biệt nội dung lợi nhuận trong kỳ đạt và vượt rất cao so với thực hiện năm trước là trên 48% hoặc so với kế hoạch năm 2018 là trên 80%.

Trên cơ sở lợi nhuận này, Doanh nghiệp đã có điều kiện chăm lo đời sống của người lao động một cách tốt hơn nhằm giúp mối quan hệ cũng như tinh thần trách nhiệm và sự gắn bó giữa hai bên ngày càng phát triển và bền vững.

Ngoài ra, cũng từ kết quả thu nhập vừa nêu, Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát dự kiến và sẽ trình Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2019 về cổ tức của năm 2018 cho các cổ đông từ 50%/giá trị cổ phần, tương ứng tỷ lệ vượt từ 66% kế hoạch được giao.

2. Kế hoạch Hợp tác kinh doanh đầu tư tại Mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3:

Căn cứ tinh thần bộ Luật Đất đai, bộ Luật Doanh nghiệp và các bản Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên các năm 2016, 2017 và 2018.

Doanh nghiệp đã tiến hành chuyển nhượng thương quyền mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 theo hình thức chào giá cạnh tranh thông qua đàm phán trực tiếp với 5 Doanh nghiệp, kết quả thu được thể hiện qua Bản hợp đồng chuyển nhượng tài sản trên đất và Văn Bản thỏa thuận về việc hỗ trợ di dời, ổn định sản xuất cho người lao động, cổ tức cho các cổ đông cũng như lợi thế thương mại của mặt bằng đã ký với Công ty Hartexco có giá trị 150 tỷ (chưa tính thuế VAT nếu có) tại văn phòng công chứng Bến Nghé ngày 10/05/2017 (DN đã nhận đủ số tiền 150 tỷ tháng 05/2018).

Tuy nhiên, vấn đề nhà đất tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung đang là một vấn đề hết sức nhạy cảm, tế nhị, đặc biệt tại TP. HCM chúng ta đã có rất nhiều biến động về nhân sự cấp cao đảm trách của UBND-TP.HCM và Sở tài nguyên môi trường nên việc hoàn thành hồ sơ cho mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3 theo như yêu cầu là hết sức khó khăn và **chưa biết đến khi nào có thể được**. Từ trở ngại này, mà việc thực hiện các bản Nghị quyết Đại hội về thu nhập cho người lao động lẫn cổ tức cho các cổ đông vẫn chưa thể hoàn thành đúng như dự kiến mặc dù đã trải dài 3 năm từ năm 2016 đến năm 2019. Hoặc quyết định trả tiền thuê đất một lần mà UBND-TP.HCM cho phép cũng kéo dài gần 2 năm mà vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Đây thực sự là một nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn mà 2 Doanh nghiệp không thể lường trước được. Do vậy để có thể giải quyết một phần trở ngại này, đồng thời đảm bảo được tiến độ thực hiện kế hoạch cũng như quyền lợi hợp pháp của cả 2 bên Doanh nghiệp, Hartexco và In 4 thống nhất có một số thay đổi như sau trong việc thực hiện Hợp đồng hợp tác giữa 2 bên:

a) Quyền sử dụng đất vẫn là của Công ty Cổ phần In số 4 theo đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất, trong suốt thời hiệu của Hợp đồng hợp tác mà 2 bên sẽ ký trong tương lai nếu có. Nói một cách rõ hơn, giữa 2 bên sẽ không còn hợp tác qua hình thức *chuyển nhượng mặt bằng* như trước đây đã thống nhất và ký kết.

b) Việc xử lý các Hợp đồng, Văn Bản đã ký và hình thức thực hiện kế hoạch hợp tác kinh doanh cho phù hợp với các Quy định hiện nay:

- Hủy Văn bản thỏa thuận, hoàn trả cho Hartexco số tiền 110 tỷ.

- Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị như sau:

- Trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký hủy văn bản thỏa thuận, Hội Đồng Quản Trị được chủ động và toàn quyền trao đổi, thảo luận, bàn bạc thống nhất và quyết định các hình thức hợp tác khác với Hartexco sao cho:

+Đảm bảo các quy định của pháp luật trong Hợp đồng hợp tác xây dựng kinh doanh.

+Đảm bảo toàn bộ giá trị về quyền sở hữu công trình, tài sản và lợi ích hợp pháp khác của In 4 tại cơ sở 61 Phạm Ngọc Thạch không được thấp hơn những quyền lợi mà In 4 nhận được khi hợp tác với Hartexco theo những thỏa thuận ban đầu (150 tỷ đồng chưa tính thuế VAT nếu có).

- Nếu sau 6 tháng mà 2 bên không đi đến thống nhất một hình thức hợp tác khác thì In 4 và Hartexco thanh lý hợp đồng chuyển nhượng tài sản là công trình xây dựng trên đất, đồng thời giải quyết số tiền thuế VAT 4 tỷ và Thuế TNDN 8 tỷ mà IN số 4 đã nộp ngân sách căn cứ theo quyết định chính thức của Cục thuế TP.HCM, và Hai bên xem như chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ có liên quan đối với việc hợp tác tại cơ sở 61 phạm Ngọc Thạch, Quận 3.

3. Việc quản lý và sử dụng vốn:

- Toàn bộ số vốn hiện có luôn được Doanh nghiệp quan tâm và bảo toàn, vấn đề này được thể hiện qua việc sử dụng vốn linh hoạt và quản lý chặt chẽ, đồng thời chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính – ngành in – không tiến hành đầu tư ngoài ngành.

- Trong quan hệ làm ăn với các khách hàng riêng lẻ, Doanh nghiệp tuyệt đối không để phát sinh công nợ dây dưa khó đòi dẫn đến khả năng mất vốn.

4. Hoạt động chăm lo đời sống cho người lao động:

- Ban chấp hành Công đoàn và toàn thể người lao động thực hiện tốt Nghị quyết Công đoàn đề ra. Để hoạt động Công đoàn gắn với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách thực tế và trọng tâm, Công đoàn đã tích cực vận động các đoàn viên nêu cao tính tích cực trong sản xuất, sẵn sàng bám máy, bám việc để tăng năng suất lao động, luôn quan tâm đến công tác tiết kiệm vật tư nguyên liệu.

- Các chế độ: khám sức khỏe định kỳ, bồi dưỡng độc hại, trang bị quần áo bảo hộ lao động và cải thiện môi trường làm việc... được thực hiện đúng quy định hiện hành.

- Các chính sách và quyền lợi của người lao động đã được thể hiện trong Bản Thỏa ước lao động tập thể luôn được Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành quan tâm và thực hiện đầy đủ 100%.

- Trong năm 2019, hệ thống thang bảng lương dựa trên mức lương tối thiểu vùng mà Nhà nước quy định cho các Doanh nghiệp đã được Doanh nghiệp thực hiện xong trong quý IV/2018. Từ việc thay đổi này, chi phí sản xuất nói chung và thu nhập của người lao động dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng từ 15 đến 20% so với mức lương hiện nay. Đây thực sự là một khó khăn mà Doanh nghiệp phải cố gắng vượt qua, chúng tôi hy vọng tất cả người lao động sẽ tích cực và trách nhiệm hơn nữa trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản phẩm hồng góp phần chia sẻ khó khăn với Doanh nghiệp.

5. Các mặt hoạt động khác:

- *Hoạt động Đảng, Đoàn thể:* Đảng bộ Công ty hiện nay được phân chia thành hai Chi bộ. Việc phối hợp hoạt động giữa các tổ chức Đảng, Công đoàn với

Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều hành gắn bó và nhịp nhàng theo đúng quy định của pháp luật. Trong công tác và sinh hoạt, các Chi bộ luôn duy trì được chế độ sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo quy định. Công ty tạo mọi điều kiện để các đảng viên tham dự các lớp học Nghị quyết hoặc nghe báo cáo thời sự nhằm nâng cao nhận thức góp phần hoàn thành công việc mà từng đảng viên được đảm nhận.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Nhận định và mục tiêu của kế hoạch:

- Trong năm 2019, nền kinh tế Việt Nam theo nhận định của các chuyên gia kinh tế trong nước lẫn ngoài nước là vẫn sẽ duy trì được tính ổn định và tăng trưởng cao, dự đoán GDP có thể đạt 6,8 -> 6,9%.

- Tỷ lệ lạm phát vẫn được Chính phủ điều hành và kiểm soát ở mức tương đương như năm 2018, nghĩa là ở mức dưới 4%.

- Chúng tôi được biết kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của các khách hàng truyền thống lâu năm của chúng ta đã tăng trưởng rất cao tương ứng từ 10% trở lên và đây thực sự là một nhân tố rất tốt cho cuộc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ Phần In Số 4.

- Căn cứ các quy định hiện hành, việc tổ chức công tác đấu thầu cho quy trình gia công in vé số của các tỉnh sẽ được các khách hàng thực hiện thường xuyên và rộng rãi. Từ nội dung này, chúng tôi nhận thấy nguồn việc chủ lực của Doanh nghiệp có thể sẽ gặp nhiều khó khăn và rủi ro, vì thế Doanh nghiệp cần đẩy mạnh công việc thiết kế tạo mẫu sao cho ngăn chặn được việc làm vé số giả để từ đó nâng cao uy tín của Doanh nghiệp trong thương trường nói chung và đối với từng khách hàng nói riêng.

Trong bối cảnh nêu trên, Doanh nghiệp chủ trương xây dựng một bản kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 tương đương hoặc có tăng từ 4% đến 5% tùy từng nội dung so với kế hoạch năm 2018. Nói một cách khác, Doanh nghiệp không thể chủ quan đưa ra mục tiêu tăng trưởng cao mà quan trọng là giữ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm kế hoạch 2019 được ổn định và tăng trưởng phù hợp so với năm 2018.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2018		Kế hoạch năm 2019	So sánh		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện		KH 2019 /KH2018	KH 2019 /TH2018	
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4	8
1. Giá trị Tổng sản lượng (Theo GCD 1994)	Tr.đồng	27.000	30.500	29.000	107%	95%	
2. Sản phẩm (13 x 19)	Tr.trang	4.600	5.299	5.000	109%	94%	
3. Doanh thu bán hàng & cung cấp Dịch vụ	Tr.đồng	45.000	55.065	48.950	109%	89%	
4. Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	8.450	14.996	8.900	105%	59%	
5. Thuế TNDN phải nộp	Tr.đồng	1.690	2.999	1.780	105%	59%	
6. Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.760	11.997	7.120	105%	59%	
7. Các khoản phải nộp ngân sách	Tr.đồng	5.400	7.459	5.240	97%	70%	
8. Tổng số lao động bình quân	Người	140	138	140	100%	101%	
9. Phân phối lợi nhuận	Tr.đồng						
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr.đồng	1.000	2.000	1.000	100%	50%	
- Cổ tức cho các cổ đông	Tr.đồng						
+ Tỷ lệ %	%	30	50	25	83%	50%	
+ Số tiền	Tr.đồng	3.600	6.000	3.000	83%	50%	
- Số chuyển năm sau	Tr.đồng	2.160	3.997	3.120	144%	78%	

a) *Về đầu tư:* Từ trước đến nay, do mặt bằng chật hẹp và manh mún nên việc đầu tư cho khâu máy móc thiết bị của khâu in và sau in chúng ta chưa thể thực hiện được. Vấn đề này đến hôm nay đã được giải quyết phần nào nhờ vào mặt bằng tập trung trong KCN Vĩnh Lộc, do vậy Doanh nghiệp trong năm kế hoạch 2019 sẽ tính toán về nhu cầu cộng với khả năng tài chính của Doanh nghiệp để đầu tư máy móc thiết bị của khâu in và sau in nhằm cải thiện và nâng cao về số lượng cũng như chất lượng sản phẩm trong tương lai.

b) Bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản và Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ:

Nhằm sử dụng một cách có hiệu quả đối với các mặt bằng hiện có nhưng vẫn còn để trống do việc di dời tập trung toàn bộ các phân xưởng hiện hữu về một môi trường Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.

Nay Hội Đồng Quản Trị, BDH và BKS đề nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và cho ý kiến trong việc Doanh nghiệp xin bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh như sau:

- Ngành nghề bổ sung: Kinh doanh Bất Động Sản quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chưa sử dụng hoặc đi thuê và Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
- Chi tiết: Cho thuê, điều hành quản lý nhà và đất không để ở, kinh doanh Bất động sản, Mã ngành: 6810 và Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ Mã ngành 5225.
- Thực hiện:
 - +Ủy quyền cho chủ tịch Hội Đồng Quản Trị công ty, sửa đổi và bổ sung nội dung ngành nghề kinh doanh trong Bản điều lệ tổ chức và Hoạt động công ty.
 - +Ủy quyền cho Giám Đốc công ty thực hiện và hoàn thành các thủ tục của việc sửa đổi và bổ sung nội dung đăng ký Doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

(Đính kèm Tờ trình việc bổ sung ngành nghề kinh doanh)

c) Phương án phát hành cổ phần để Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu:

Để đảm bảo đủ điều kiện pháp lý cho hoạt động kinh doanh Bất động sản, theo khoản 1, điều 10 luật Kinh doanh Bất động sản, số 66/2014/QH13 do Quốc Hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 25/11/2014. Theo đó vốn pháp định cho các Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh BĐS là không thấp hơn 20 tỷ, vì thế Hội Đồng Quản Trị, BDH và BKS đề nghị Tổng công ty cho chủ trương về phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ công ty đạt 20 tỷ từ nguồn vốn chủ sở hữu (***Cổ phiếu thưởng***) như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phần Công ty Cổ phần In số 4
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phiếu
- Tổng số cổ phần đã phát hành và đã lưu hành: 1.200.000 cổ phiếu, tương đương 12 tỷ Việt Nam Đồng.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có
- Số lượng cổ phần phát hành đợt này: 800.000 cổ phần tương đương 8 tỷ Việt Nam Đồng

Vốn điều lệ sau khi phát hành thêm cổ phần: 20 tỷ Việt Nam Đồng

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phần phát hành thêm.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 3/2 nghĩa là cổ đông đang sở hữu 3 cổ phần tại ngày chốt danh sách sẽ được nhận thêm 2 cổ phần mới phát hành thêm.
- Nguồn vốn: Từ nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm 50% từ quỹ phát triển sản xuất kinh doanh và 50% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2018 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.
- Thời gian thực hiện: ĐHĐCĐ thường niên ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị chọn lựa trong khoảng thời gian năm 2019 và năm 2020, 1 thời điểm cụ thể sao cho phù hợp với quá trình kinh doanh của Doanh nghiệp và đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông. Đồng thời ủy quyền cho chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Giám đốc công ty thực hiện và hoàn thành các thủ tục hồ sơ theo luật định trong đó, đặc biệt: sửa đổi điều lệ, đăng ký vốn điều lệ và điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu này.

(Đính kèm Tờ trình phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu).

d) Về quản lý lao động: Tiến hành sắp xếp các khâu mà nhân sự có ảnh hưởng từ việc di dời tập trung để có được một kết quả tinh gọn nhằm giảm chi phí sản xuất và nâng cao trách nhiệm của người lao động trong công tác được giao.

KẾT LUẬN

Năm 2018 thực sự là một năm vất vả nhưng nhiều thành công trong công tác điều hành và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Bước sang năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được xây dựng trên tinh thần chỉ đạo là ổn định và hiệu quả như trên, chúng tôi hy vọng tất cả người lao động trong Công ty từ HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát đến người lao động trực tiếp sẽ tiếp tục nỗ lực, đoàn kết, trách nhiệm để cùng nhau hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt mức cao nhất có thể. Ngoài ra, chúng tôi cũng mong mỗi Quý Khách hàng truyền thống, quý vị cổ đông lớn, nhất là Tổng Công ty VHSG tiếp tục cộng tác, giúp đỡ và ủng hộ để bản kế hoạch này được hoàn thành tốt đẹp.

Trân trọng kính chào.

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

PHAN CHÍ TRUNG

BÁO CÁO
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty cổ phần In số 4, ban kiểm soát báo cáo đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động kiểm soát các nội dung sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Nhân sự ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

1. Bà LÊ THỊ THU NGUYỆT : Trưởng ban
2. Ông NGUYỄN HỮU TÀI : Thành viên
3. Bà TRẦN THỊ KHÁNH LINH: Thành viên

Trong năm 2018, ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kiểm soát công tác tài chính kế toán.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của công ty theo các quy định của luật chứng khoán.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận.

- Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2018 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2018 trên cơ sở báo cáo kiểm toán độc lập trình đại hội cổ đông thường niên.

II. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT:

1. Giám sát công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị công ty:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 để thực hiện quản lý và điều hành công ty, cơ bản thực hiện hoàn thành các nội dung Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2018.

- Đảm bảo thu nhập người lao động ổn định, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước, cũng như các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đều được công ty thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

- Công tác tập trung các phân xưởng vào mặt bằng trong khu công nghiệp Vĩnh Lộc đã thực hiện hoàn tất sau khi chuyển phân xưởng thành phẩm là phân xưởng cuối cùng vào tháng 5/2018, hiệu quả lớn nhất là quá trình sản xuất của doanh nghiệp vẫn duy trì và hoạt động bình thường. Việc di dời thành công các phân xưởng sản xuất về một mối còn giúp doanh nghiệp tiết kiệm được nhiều chi phí sản xuất cũng như rút ngắn được chu kỳ sản xuất.

- Do những nguyên nhân khách quan, nên kế hoạch hợp tác khai thác mặt bằng 61 Phạm Ngọc Thạch Quận 3 chưa thực hiện đúng như kế hoạch đã đề ra trong năm 2018. Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã có phương án điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hiện tại, trên tinh thần vẫn đảm bảo lợi ích cho công ty và đối tác theo như những thỏa thuận trước đây đã ký kết.

2. Thẩm định Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Trên cơ sở báo cáo tài chính do ban điều hành lập, báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của công ty TNHH Kiểm toán & dịch vụ Tin học TP.HCM, ban kiểm soát xin xác nhận số liệu và báo cáo với đại hội đồng cổ đông:

a)- Tình hình tài chính: Các số liệu chủ yếu trên bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TÀI SẢN	01/01/2018	31/12/2018	NGUỒN VỐN	01/01/2018	31/12/2018
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	96.178	150.619	A/ NỢ PHẢI TRẢ	67.805	118.652
1/ Tiền và các khoản trong đương tiền	92.551	145.908	1/ Nợ ngắn hạn	67.805	118.652
2/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	/	/	2/ Nợ dài hạn	/	/
3/ Các khoản phải thu ngắn hạn	3.125	3.957			
4/ Hàng tồn kho	502	754			
5/ Tài sản ngắn hạn khác	/	/			
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	33.656	33.976	B/NGUỒN VỐN CSH	62.029	65.943
1/ Các khoản phải thu dài hạn	/	/	1/ Vốn chủ sở hữu	62.029	65.943
2/ Tài sản cố định	31.003	33.976	Trong đó:		
3/ Bất động sản đầu tư	/	/	- Vốn đầu tư chủ sở hữu	12.000	12.000
4/ Tài sản dở dang dài hạn	2.653	/	- Quỹ đầu tư phát triển	5.757	5.757
5/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	/	/	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	44.272	48.186
6/ Tài sản dài hạn khác	/	/	2/ Nguồn kinh phí và Quỹ khác	/	/
TỔNG TÀI SẢN	129.834	184.595	TỔNG NGUỒN VỐN	129.834	184.595

b)- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH (%)
1	Giá trị tổng sản lượng (GCD 1994)	Triệu đồng	27.000	30.519	113
2	Số lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ	Triệu trang	4.600	5.299	115
3	Tổng số lao động bình quân	Người	140	138	99
4	Doanh thu hàng hóa tiêu thụ	Triệu đồng	45.000	55.065	122
5	Tổng thu nhập trước thuế trong kỳ	“	8.450	14.996	177
6	Tổng thu nhập sau thuế	“	6.760	11.997	177

7	Các khoản nộp ngân sách	“	5.400	7.459	138
8	Cổ tức cho các cổ đông				
	– Tỷ lệ	%	30	50	167
	– Số tiền	Triệu đồng	3.600	6.000	167

3. Nhận xét và kiến nghị:

a) Nhận xét

Qua xem xét, phân tích các số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, Ban Kiểm soát nhận thấy:

- Tình hình kinh doanh ổn định và hiệu quả, các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đều thực hiện vượt mức kế hoạch, đặc biệt là chỉ tiêu về lợi nhuận.

- Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, luôn đảm bảo khả năng thanh toán, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu.

- Công tác tài chính thực hiện đúng chế độ, quản lý tốt nguồn thu, chi và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

- Việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty tuân thủ theo chế độ quản lý tài chính hiện hành, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Hầu hết các máy móc thiết bị đã cũ, nên việc nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như sử dụng hết năng suất lao động trong công ty còn hạn chế.

- Bình quân độ tuổi người lao động trong công ty tương đối cao, công tác bổ sung nguồn nhân lực trẻ còn chậm.

b) Kiến nghị:

Để hoạt động của doanh nghiệp phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững, và đạt hiệu quả kinh tế cao, công ty cần quan tâm các vấn đề sau:

- Mặt bằng sản xuất đã ổn định, công ty cần lên kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị mới cho khâu in và sau in nhằm tăng sản lượng cũng như chất lượng sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu cao từ phía khách hàng.

- Về công tác nhân sự, công ty chú trọng đào tạo, tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn cao, và hoàn thiện bộ máy nhân sự để đáp ứng kịp thời với sự phát triển của công ty.

- Thường xuyên cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như độ an toàn đối với các sản phẩm chủ lực của Công ty góp phần nâng cao được uy tín của doanh nghiệp cũng như độ tin cậy từ khách hàng.

- Tiếp tục duy trì công tác tìm các nguồn cung ứng vật tư mới hoặc vật tư thay thế nhằm mục đích hạ giá thành sản phẩm để có thể nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo lợi thế cạnh tranh cũng như thu hút được ngày càng nhiều khách hàng.

Trong năm vừa qua, Ban kiểm soát luôn cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ mà đại hội đồng cổ đông đã tin nhiệm giao, giám sát tình hình hoạt động của công ty, kiểm tra tính chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong công tác hạch toán kế toán, tham dự đầy đủ các buổi họp hội đồng quản trị và đóng góp ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác quản trị của công ty.

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2018, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng nghị quyết đại hội đồng cổ đông và đạt hiệu quả cao.

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2019, ban kiểm soát trân trọng báo cáo và xác nhận số liệu trình bày trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 của doanh nghiệp là trung thực và hợp lý.

Tp.HCM, ngày 17 tháng 5 năm 2019

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban

LÊ THỊ THU NGUYỆT

(Đã ký)

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
Từ sản xuất kinh doanh chính
Năm 2018
✪✪

1/ Tổng thu nhập được phân phối :	22.468.671.354^d
Trong đó :	
- Thu nhập năm 2018:	14.996.363.035 ^d
- Thu nhập năm trước chuyển sang:	7.472.308.319 ^d
2/ Thuế thu nhập Doanh nghiệp năm 2018:	2.999.272.607^d
3/ Chi bù đắp các khoản chi phí không hợp lệ:	82.916.400^d
4/ Trích lập Quỹ khen thưởng Phúc lợi:	2.000.000.000^d
5/ Tổng thu nhập từ SXKD chính còn được sử dụng:	17.386.482.347^d
Trong đó :	
+ Lợi tức chia cổ đông (tỷ lệ 50%):	6.000.000.000 ^d
(Đã chi cổ tức đợt 1 năm 2018 = 10% vào tháng 11/2018)	
+ Thu nhập còn để lại chuyển năm sau:	11.386.482.347 ^d

Ghi chú :

** Không trích lập Quỹ dự phòng để bù đắp chi phí không hợp lệ của năm 2018. Khoản chi phí này nếu phát sinh (căn cứ vào Biên bản và Quyết định duyệt Quyết toán thuế của Cục Thuế TP) sẽ được hạch toán theo số liệu thực tế vào khoản thu nhập còn để lại chuyển năm sau (11.386.482.347 đồng).*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

PHAN CHÍ TRUNG

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần In số 4

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 25/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 06/07/2018 ban hành về Hệ thống ngành Kinh tế Việt Nam;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần In số 4;

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ của công ty đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác. (Mã ngành: 6810).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ. (Mã ngành: 5225).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: sửa đổi nội dung ngành nghề kinh doanh trong Điều lệ của Công ty.
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần In số 4 hoàn tất các thủ tục việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty theo quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

PHAN CHÍ TRUNG

(đã ký)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v kế hoạch phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần In số 4

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006; đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 25/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần In số 4;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh, vốn điều lệ hiện hành và tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần In số 4 theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Để đảm bảo đủ điều kiện pháp lý cho hoạt động kinh doanh Bất động sản theo khoản 1, Điều 10, Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 25/11/2014; theo đó, vốn pháp định cho hoạt động Kinh doanh Bất động sản không được thấp hơn 20 tỷ đồng. Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phần Công ty cổ phần In số 4
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần đã phát hành: 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 (không) cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 800.000 (Tám trăm nghìn) cổ phần

- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 8.000.000.000 (Tám tỷ) đồng
- Tỷ lệ số lượng cổ phần dự kiến phát hành/số lượng cổ phần đang lưu hành: 2/3 (66,67%).
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phần phát hành thêm
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 3:2 (nghĩa là cổ đông đang sở hữu 3 cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ được quyền nhận thêm 2 cổ phần mới phát hành thêm)
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng
- Chuyển nhượng quyền: quyền nhận cổ phiếu phát hành thêm không được chuyển nhượng
- Phương án xử lý cổ phần lẻ: cổ phần lẻ phát sinh nếu có sẽ được làm tròn tới hàng đơn vị, phần thập phân (nếu có) sẽ giao cho Hội đồng quản trị mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá mua là 10.000 đồng/cổ phần. Ví dụ: cổ đông A sở hữu 100 cổ phần và có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng, như vậy cổ đông A sẽ được nhận cổ phần phát hành thêm tương ứng là $100 : 3 \times 2 = 66,67$ cổ phần. Như vậy, cổ đông A nhận được 66 cổ phần thêm mới và 6.700 đồng, 0,67 cổ phần lẻ sẽ được là cổ phiếu quỹ.
- Nguồn vốn: Nguồn vốn thực hiện được lấy từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2018 căn cứ trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.
- Thời gian thực hiện: ĐHCĐ thường niên ủy quyền cho HĐQT chọn lựa trong khoảng thời gian năm 2019 và năm 2020, 1 thời điểm cụ thể sao cho phù hợp với quá trình kinh doanh của Doanh nghiệp và đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông.
- Ủy quyền thực hiện: Ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để triển khai phương án phát hành cổ phiếu đã thông qua, lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền theo phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (cổ phiếu thưởng), báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm
- Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: sửa đổi Điều lệ, đăng ký vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần In số 4 sau khi hoàn thành đợt phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

PHAN CHÍ TRUNG

(Đã ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 6 năm 2019.

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 36. Kiểm soát viên

Điều 37. Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

Điều 44. Năm tài chính

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

Điều 45. Chế độ kế toán

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 47. Báo cáo thường niên

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

XVI. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

Điều 51. Gia hạn hoạt động

Điều 52. Thanh lý

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ công ty

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Để phù hợp và đáp ứng cho nhu cầu phát triển và quản trị công ty theo những quy định hiện hành nay Công ty Cổ phần In số 4 trình Đại hội Điều lệ công ty được sửa đổi lần 3.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 29 tháng 6 năm 2019

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: No 4 Printing Joint-Stock company
 - Tên Công ty viết tắt: IN 4 JSC
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B2/1 , Đường số 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 37658901 – 37658908 - 37658909
 - Fax: 37658902
 - E-mail: ctcpin4@gmail.com
 - Website: <http://inso4.com>
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 1 người đại diện theo pháp luật. Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được thực hiện theo Điều 14 Luật doanh nghiệp, Điều 34 Điều lệ này và Quy chế quản trị của công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là :
- a. In ấn: In các loại sản phẩm: sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ.
 - b. Dịch vụ liên quan đến in: Đóng xén sách báo, bẻ hộp. mạ nhũ vàng
 - c. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở, kinh doanh bất động sản khác.
 - d. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập nhằm huy động mọi khả năng, kinh nghiệm, nguồn vốn, máy móc thiết bị, cơ sở vật chất do cổ đông đóng góp để hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt, nâng cao lợi nhuận của công ty, gia tăng lợi tức cho cổ đông, tạo việc làm và ổn định đời sống cho người lao động, đóng góp ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cơ cấu vốn phát hành của các cổ đông như sau:

- a. Cổ Đông nhà nước: góp 45% vốn điều lệ, tương ứng 900.000 cổ phần, và là Cổ đông sáng lập của công ty.
- b. Cổ đông khác: góp 55% vốn điều lệ, tương ứng với 1.100.000 cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ cổ đông lưu tại Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi

rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất tiền gửi có thời hạn 1 năm của ngân hàng thương mại) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
- j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 35 Điều lệ này;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng . Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, công ty có thể gia hạn, nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - k. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - l. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - n. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp

hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của

các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được ghi nhận trước, số thẻ phản đối nghị quyết được ghi nhận sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh (nếu có) thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Điều kiện ứng cử vào Hội đồng quản trị:

a. Thành viên hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên của đối thủ cạnh tranh. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp;

b. Có năng lực kinh doanh, am hiểu về ngành nghề của công ty;

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, có am hiểu luật pháp;

d. Có trình độ văn hóa đại học trở lên.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc ;
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 3 Điều 162 Luật doanh

nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nêu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

hợp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông, thu nhập hàng năm của Công ty được trích lập theo các trình tự như sau:
 - a. Dự phòng 5% thu nhập để bù đắp các khoản chi không được tính vào chi phí tính thuế của công ty.
 - b. Trích 20% thu nhập sau thuế vào Quỹ khen thưởng phúc lợi để chi trả cho CB.CNVC trong năm theo Bản Thỏa ước Lao động tập thể đã được ký kết giữa người sử dụng lao động và đại diện người lao động.
 - c. Trích các quỹ khác (nếu có) theo nghị quyết của đại hội cổ đông và các quy định pháp luật hiện hành.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

Điều lệ Công ty Cổ phần In số 4

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng **30** ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 chương 55 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần in so 4 nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2019 tại **Hội trường lầu 2 cao ốc 123- Báo Người Lao Động , số 123-127 Võ Văn Tần, Quận 3, TP Hồ Chí Minh** và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

PHAN CHÍ TRUNG